

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 15/6/2023
V/v “T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Thanh Trúc
2. Bà Trần Thị S

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Phụng Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Tú Anh – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn L, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Trà Ôn, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L là: Đỗ Hiếu Nghĩa, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 10, xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Văn S, sinh năm 1966 (có mặt)

Thái Thị Thu Oanh, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trà Ôn, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn L và L trình bày của anh Đỗ Hiếu Nghĩa đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn L như sau:

Vào năm 2016 ông L và ông S có hợp đồng hùn nuôi cá lóc. Hình thức ông L bao thức ăn đến khi thu hoạch thì chia vốn và lãi trả lại cho ông L. Đến tháng 3/2017 thu hoạch cá bị thua lỗ hai bên chốt tiền ông S còn nợ ông L số tiền 121.463.000 đồng, ông

S có ký tên chốt nợ. Nay ông L yêu cầu ông S phải trả số tiền 121.463.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Theo tự khai và L trình bày của ông Lê Văn S như sau:

Vào năm 2016 ông S cùng ông L, anh Huỳnh Minh Trí hùn nuôi cá lóc. Hình thức hùn như sau:

- Ông S có đất nên bỏ ra khoảng 1,5 công đất đào ao để nuôi cá. Tiền công đào ao thì ông L và Trí chịu.

- Tiền vốn con giống, thức ăn, thuốc do ông L chịu trách nhiệm cung cấp khi nào thu hoạch thì chia ra 3 phần mỗi người phần và chịu trách nhiệm thanh toán lại cho ông L phần vốn của mình phải chịu.

- Tiền công cho cá ăn, bơm nước, tác thuốc ông S chịu trách nhiệm làm mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (số tiền 3.000.000 đồng chia làm 3 mỗi người chịu 1.000.000 đồng, trừ phần ông S ra thì hàng tháng ông L và Trí mỗi người phải bỏ ra 2.000.000 đồng trả cho ông S).

- Tiền điện, tiền bom tác, đèn do ông S kéo điện ra để bom tác tiền điện cuối tháng bao nhiêu thì chia làm 3 phần. Sau khi thu hoạch thì vốn chia 3 phần, tiền lợi nhuận có được cũng chia 3 phần. Hợp đồng viết giấy tay trong nội dung hợp đồng có ghi thời gian hợp đồng nuôi cá là 5 năm 3 người cùng ký tên.

Sau khi nuôi cá được 8 tháng thu hoạch bị lỗi không có lãi, ông L có ghi giấy cho ông S vốn bao nhiêu trừ số cá bán được, còn lại lỗi ông S phải chịu là 121.464.000 đồng. Ông S tưởng ký vậy là xong vụ đầu, vụ sau tiếp tục để có lãi trả số nợ đó nhưng ông L bỏ ngang luôn không nuôi tiếp, cũng không cung cấp con giống, thuốc... cho ông S và Trí nuôi tiếp nên bỏ hồ trống đến nay. Nay ông L khởi kiện ông S không đồng ý, vì hợp đồng 5 năm nhưng ông L bỏ ngang là vi phạm hợp đồng nên ông S không đồng ý trả. Nếu ông L buộc ông S phải trả thì ông L phải hùn đổ đất lấp hồ cho ông S.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh Nghĩa đại diện ông L trình bày: Thống nhất toàn bộ L trình bày của ông S về hợp đồng nuôi cá. Nhưng sau khi thu hoạch thì bị lỗi, mỗi người phải chịu số tiền bao nhiêu có ghi rõ ràng và ông S có ký nhận, nhưng ông S không có trả phần nào cho ông L để tạo nguồn vốn nuôi tiếp, ông L không có khả năng bao cho ông S nuôi tiếp nên rút không nuôi nữa, đồ đạc liên quan đến việc nuôi cá ông L để lại cho ông S. Khi nào ông S lấp ao số tiền bao nhiêu thì chia ra ông L sẽ thanh toán cho ông S. Đối với số tiền ông S nợ ông L 121.463.000 đồng, ông L đồng ý giảm cho ông S 8.000.000 đồng. Còn lại 113.463.000 đồng buộc ông S và bà Oanh phải trả cho ông L.

Ông Lê Văn S trình bày: Ông S thừa nhận còn nợ ông L số tiền 121.463.000 đồng nhưng hợp đồng là phải nuôi 5 năm, ông L nuôi 1 năm nghĩ là vi phạm hợp đồng nên ông không đồng ý trả tiền cho ông L. Còn việc lấp ao thì ông L phải chịu trách nhiệm nhưng ông S không khởi kiện trong vụ án này.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông S và bà Oanh phải trả cho ông L số tiền 113.463.000 đồng. Dành cho ông S vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu về chi phí lập ao. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: các đương sự tranh chấp hợp đồng mua bán. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Oanh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L. Hội đồng xử án xét thấy:

Giữa ông L và ông S thừa nhận có hợp đồng nuôi cá lóc. Hình thức nuôi: Ông S có đất thì đào ao để nuôi. Con giống, thức ăn, thuốc thì ông L chịu cung cấp. Khi nào thu hoạch thì cộng tất cả các khoản chia làm 3 phần và có trách nhiệm thanh toán cho ông L. Sau khi thu hoạch số tiền ông S phải chịu là 123.464.000 đồng, ông S thừa nhận và ký giấy nhận nợ. Đến ngày 26/10/2020 ông S trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 121.464.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho ông L làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L nên ông L khởi kiện ông S và bà Oanh phải thanh toán số tiền 121.464.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự nguyện của anh Nghĩa đại diện cho ông L giảm bớt cho ông S số tiền 8.000.000 đồng. Số còn lại 113.463.000 đồng buộc ông S, bà Oanh phải thanh toán cho ông L.

Đối với ông S cho là ông L ký hợp đồng nuôi cá 5 năm nhưng 01 năm rút không nuôi nữa là vi phạm hợp đồng là không đúng. Bởi vì: Sau khi thu hoạch thua lỗ không có đồng lãi. Phần vốn chia ra làm 3 phần, phần ông S phải chịu là 121.464.000 đồng, ông S không trả cho ông L được phần nào mà lại yêu cầu ông L tiếp tục bỏ vốn ra bao cho ông S nuôi cá tiếp. Ông L không có khả năng để thực hiện vì nếu việc tiếp tục thực hiện có thể sẽ gây ra tổn thất cho ông nên ông L chấm dứt hợp đồng, việc chấm dứt hợp đồng này ông L cũng đã báo với ông S, tại thời điểm đó các bên thống nhất không có ai phản ứng hay tranh chấp gì. Trong hợp đồng cũng không có quy định sau khi thua lỗ trách nhiệm của các bên như thế nào. Nên việc chấm dứt hợp đồng của ông L là không vi phạm pháp luật.

Ông S có nại ra việc buộc ông L phải có trách nhiệm trong việc lập ao nuôi cá Tòa án cũng đã hướng dẫn ông S việc làm đơn khởi kiện và đóng tạm ứng án phí nhưng ông S không đồng ý khởi kiện trong vụ án này. Phía ông L và ông S cũng chưa

xác định được lập ao chi phí bao nhiêu nên Hội đồng xét xử dành cho ông S và ông L một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn vì yêu cầu được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430; 440; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L. Buộc ông Lê Văn S và bà Thái Thị Thu Oanh có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 113.463.000 đồng

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Văn L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 3.037.000 đồng theo biên lai số 0014230 ngày 17/11/2022. Buộc ông S và bà Oanh phải nộp 5.673.000 đồng.

Án xử công khai. Có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thu Hằng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Thị Thanh Trúc và bà Trần Thị S

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Huỳnh Văn L, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Trà Uông, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L là: Đỗ Hiếu Nghĩa, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp 10, xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1963 (vắng mặt); Lâm Thị Hồng Rạng, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trà Uông, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Lâm Thị Oanh, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trà Uông, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh hợp đồng mua bán và bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Rạng và đại diện cho ông L có mặt. Riêng ông Đức vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430; 440; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện. Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận và có ý kiến:

Ông L có bán thuốc, thức ăn nuôi cá cho bà Rạng và ông Đức. Bắt đầu giao dịch mua bán thì nguyên đơn, bị đơn không nhớ năm nào nhưng tới năm 2018 thì hai bên chốt nợ lại bà Rạng, ông Đức còn nợ ông L số tiền 200.000.000 đồng. Phía ông L có lập bảng đối chiếu nợ với bà Rạng và ông Đức do bà Rạng, ông Đức ký nhận và đưa giấy này cho công ty đòi nợ nên không có cung cấp cho Tòa án. Phía bà Rạng có L khai

thừa nhận có nợ ông L số tiền 200.000.000 đồng do nuôi cá thất bại nên chưa có trả. Từ đó cho thấy hợp đồng mua bán giữa ông L và bà Rạng, ông Đức là có thật. Sau khi thu hoạch và bán cá xong bà Rạng không trả tiền cho ông L như hai bên thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu bà Rạng, ông Đức trả số tiền đã thiếu 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà Rạng và ông Đức cho là ông L đã bán nợ của bà cho công ty đòi nợ thuê nên bà không còn nợ ông L là không đúng. Bởi vì: Bà Rạng và ông Đức cũng không có chứng cứ chứng minh là ông L bán nợ cho công ty đòi nợ thuê. Phía ông L khai chỉ thuê công ty đòi nợ bà Rạng nhưng vẫn không được nên ông L đã chấm dứt hợp đồng thuê với công ty. Bản thân bà Rạng cũng thừa nhận bà chưa trả tiền cho công ty đòi nợ vì ghi sai họ bà. Bà nại ra ông L đã bán nợ cho công ty không có quyền khởi kiện. Cho thấy bà Rạng cố tình nhằm trốn tránh việc trả nợ cho ông L.

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L. Buộc bà Lâm Thị Hồng Rạng và ông Nguyễn Văn Đức có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn)

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn nộp theo quy định pháp luật
- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

- Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị S Thi Thị Thanh Trúc

Đỗ Thị Thu Hằng